

Chương 7

Tản Cư



Sau khi có lệnh tản cư, anh Ba tôi (anh rể, chồng chị thứ Ba) bàn tính nên tạm di tản về quê vài ngày chờ thời cuộc sáng tỏ hơn. Trong chuyến đi này, có tất cả 13 người, gia đình anh chị Ba tôi gồm có anh chị và năm cháu nhỏ, cộng thêm 6 anh chị em tôi, riêng anh Sáu tôi còn làm việc tại Soài Riêng nên vắng mặt.

Về Trung Chánh

Hai chiếc xe ngựa chở đầy nhóc người trong gia đình chúng tôi. Khi đến Quán Tre, chúng tôi đi bộ theo lộ đá vài trăm thước, sau băng vào ruộng rẫy, tìm đường tắt

nhắm theo hướng nhà bác Mười Cần, người giúp việc cho ba má tôi khi xưa.

Vì là mùa mưa, đường ngập nước, rất lầy lội, cả đoàn phải cõr giày, tháo guốc, xách tòn ten theo. Anh rể tôi, hồi nào tới giờ đi đâu đều mang giày vớ cẩn thận, phải tháo ra, xách đôi giày da rất nặng, xắn quần tây lên gần tới đầu gối coi thật buồn cười. Ngoài ra, người lớn thay phiên nhau bồng, cõng mấy cháu nhỏ một, hai, ba tuổi, người nào cũng tay xách, tay mang quần áo, đồ đạc. Phần tôi, còn thêm một cặp sách vở để học, mong khi tình hình yên trở lại, sẽ cấp sách đến trường học tiếp.

Lại qua mấy cánh đồng, cũng nhắc lại chuyện năm xưa, nhưng kỳ này không đùa giỡn như lúc trước, không ngắm cảnh đẹp, người lớn ai nấy đều lo âu. Trời nắng gắt lên, anh Ba tôi mau thắm mặt, cầm tờ giấy quạt qua quạt lại, miệng nói:

- Ráng chút mấy em, ráng lên mấy em!

Anh nói lên để có thêm can đảm cho chính anh hơn là cho người chung quanh, vì không có ai than thở cả, ngoài anh. Có lúc mấy cháu nhỏ đói quá, chúng khóc, lại dừng chân bên bụi cây để lấy sữa cho chúng bú, sẵn người lớn ngồi nghỉ và ăn chút bánh ngọt, uống nước.

Toàn thể khu này, dân chúng sống bằng nghề làm rẫy, làm ruộng. Ruộng đây không lớn lắm, có nhà làm một hai mẫu ruộng hay ít hơn, ngoài ra, làm rẫy nhiều, như trồng thuốc (thuốc hút), đậu phộng (để ép dầu) là chánh, hoa màu phụ gồm có bầu, bí, khổ qua, đậu xanh, đậu bắp, dưa chuột, bắp, khoai mì, khoai lang... tùy mùa.

Toàn là nghề nông, làm bằng tay, nhà khá giả có trâu bò phụ kéo cày, kéo bừa để dọn đất, người nghèo dùng cuốc, xuồng, họ đào xới đất, tưới cây bằng cái gàu múc xuống giếng (sâu lồi chừng ba, bốn thước), vun gốc, bắt sâu. Sau khi làm việc ngoài đồng rồi, về nhà, họ lo đan tre,

làm rỗ, rá, làm phen vách; tới mùa thuốc thì phơi nguyên lá thuốc hoặc sắt lá thuốc để phơi. Làm việc là huy động toàn thể gia đình ra làm, kể cả đàn bà con gái. Khi ra ruộng rẫy làm việc, phần lớn nhà sập cửa xuống bỏ đó, không ai vô trộm cắp lấy đồ của mình, và chắc chắn là không có gì đáng giá để lấy, ngoại trừ vài nhà khá giả. Tối trước khi ngủ, cũng đơn giản lắm, không rửa chum căng, chỉ chà chà chum này lên chum nọ để rớt cát, đất, kể như sạch rồi.

Bây giờ, ngồi ngoảnh lại về quá khứ xa xôi đó, nhiều khi tôi tự hỏi :

- Sao hồi đó cảnh sống thanh bình được như vậy?

Trong truyện Tàu, có ca tụng cảnh đời vua Nghiêu, vua Thuấn, thiên hạ sống thanh bình thịnh trị, nhà không đóng cửa, không trộm cắp. Ở Việt Nam thời trước cũng gần giống như vậy, mặc dầu đó là thời Tây cai trị. Người dân có thể đi đâu bất cứ giờ nào, bác nông phu ra khỏi nhà để đến đồng ruộng từ 4, 5 giờ sáng, ai bận việc về trễ 11, 12 giờ khuya, đi trong đêm tăm tối cũng chẳng hề hấn gì. Nếu có xảy ra hiếp dâm hay giết người, đó là điều bất thường, rất ít khi xảy ra.

Ở nhà quê cậu mợ tôi trong Kinh Bờ Bao (Sa Đéc), ghe thuyền đi lại trên sông đêm lẫn ngày, cảnh trộm cướp giết người, nếu có xảy ra, là điều hiếm có. Người ta cũng nghèo khó, nhưng sao người dân lúc đó rất hiền hòa?

Nhà Bác Mười

Một căn nhà lụp xụp gồm có ba gian nhỏ, lợp bằng rom, vách đất. Nền chỉ là một lớp đất sét đắp lên trên mặt đất, để không cho nước mưa ngoài sân chảy vào. Cửa là mấy tấm phen tre đan, ban ngày chống lên, ban đêm hạ xuống.

Người dân quê rất hiếu khách, hai bác mừng rỡ khi thấy chúng tôi tới, chạy lăng xăng lo nấu nước trà và chỉ hai bộ ván hai bên nhà để gia đình bỏ đồ đạc lên.

Hỏi thăm ba điều bốn chuyện xong về tình hình dưới thành thị, bác trai ra quanh nhà chặt một cây chuối non, bẻ mớ rau răm, bứt vài cây hành lá...

Trong khi đó, bác gái lấy chút lúa ra rải trên sân, miệng vừa nhép liên tiếp "tục tục tục..", đó là tiếng kêu gọi đàn gà chạy lại ăn lúa: đám gà đang ăn cỏ, xới đất tìm trùn gài đó, chạy lại bu quanh bác. Trong chớp mắt, bác lẹ tay nắm cổ một con gà trống cồ, con gà chới với quơ cẳng, đập cánh, nhưng bác lẹ làng ôm nó vào lòng, và đem ra bên hè làm thịt.

Mấy chị tôi xuống bếp bắt nồi nước sôi, phụ nhỏ lông gà và bắt lên nồi cháo. Trong chốc lát, tấm đệm được trải lên sân trước nhà dưới bóng mát cây xoài, cả gia đình xúm xít ngồi trên chiếc đệm, chung quanh nồi cháo, với mấy đĩa gà xé phay trộn với chuối cây xắt nhỏ, có đủ hành lá và rau răm thơm phức.

Ngoài ra, mấy chị tôi mở ra gói thịt heo quay, bày ra trên hai đĩa, cộng thêm hai ổ bánh mì. Hai bác chủ nhà không chịu ra ăn, viện cớ đã ăn quá bữa rồi, có lẽ vì muốn nhịn bụng đãi khách. Thật vậy, gia đình tôi quá đông, một con gà ăn không đủ, mặc dầu có thêm bánh mì thịt quay. Hai bác ngại không "dám" ngồi chung với gia đình này. Anh Ba tôi nài ép lắm, hai bác mới chịu cầm chén cháo, gắp miếng thịt, xong bước vô nhà ngồi trên ván ăn riêng cho lấy lệ.

- Cô Dượng với mấy cháu cứ tự nhiên, ở đây, có cơm ăn cơm, có cháo ăn cháo, ở bao nhiêu lâu cũng được, chừng nào yên hãy đi!- đó là lời bác trai nói với anh rể tôi.

Tánh hoạt động đã quen, anh Ba tôi đi loanh quanh hỏi thăm chỗ này chỗ nọ, trong khi mấy chị tôi lo chăm sóc

mấy cháu nhỏ. Tôi và em trai tôi chạy lại nhà hàng xóm coi phơi lá thuốc, xắt lá thuốc (để làm thuốc rê bán).

Đến bữa cơm chiều, có lẽ vì nhà không còn món nào tươi để ăn, bác gái lấy hũ mắm đồng ra và đem chung làm món ăn mặn; tuy nhiên, gia đình tôi cũng đã chuẩn bị một mớ Lạp Xưởng, nhờ đó buổi cơm nhiều trôi qua một cách êm đẹp. Lại có thêm một nồi khoai mì mới đào từ bên hông nhà, khoai mới luộc ăn thật dẻo, thật thơm.

Vì là nhà quê, không có đèn đuốc chi cả và cũng vì đi bộ suốt buổi sáng, mọi người lăn ra ngủ sớm.

Ngày sau lạnh lẽo đến, cảnh chạy lánh nạn thật là buồn chán, không biết làm gì, phải làm gì, thiếu mọi tiện nghi của nhà mình, và không biết kéo dài bao lâu, rồi cơm tiền đâu để sống, trong khi việc làm ăn ở Sài Gòn của anh rể tôi bị đình trệ? (Anh có cửa tiệm bán cà phê rang và xay lấy hiệu "Café Meilleur Gout").

Cũng may, hôm đó có chương trình đi thăm mả má tôi vào buổi sáng. Sau khi chuẩn bị một ít nhang đèn mua tại một quán nhỏ gần đó, cả gia đình đi bộ non một cây số theo đường mòn để đến mả. Vì mùa này không nằm vào dịp Tết hay lễ Thanh Minh tháng ba, nên cỏ, tranh mọc lên um tùm nơi phần mộ.

Trên đường trở về nhà, anh chị tôi bàn với nhau:

- Cha! Cứ mòi này coi bộ không khá, thôi mình đi về nhà bên nội ở Vĩnh Long cho tiện!

Anh chị tính về Ngã Tư Long Hồ, Vĩnh Long, là quê của anh rể tôi.

Về nhà, anh chị tôi hỏi ý kiến Bác Mười về đường đi nước bước.

Bác Mười phà một hơi thuốc rồi nói:

- Mà cứ theo tui á nha Dượng Ba, mình phải "lội bộ" từ đây qua Bà Điểm, từ Bà Điểm băng theo ngã ruộng

về Chợ Lớn, Chợ Đệm, tới đâu hay đó, chớ xe cộ giờ này, có lệnh cấm, đâu dám chạy, chỉ còn nước đi bộ thôi.

- Từ đây đi tới đó bao xa vậy bác? - anh Ba tôi hỏi lại.

- Phan (khoan), phan, để tui coi! Từ đây qua tới Bà Điểm hả, cũng mất "quăng một cái rựa" chớ hông phải chơi, rồi từ Bà Điểm, về Chợ Lớn, ít nhứt cũng quăng một cái rựa nữa, là hai cái rựa.

Anh tôi ngạc nhiên hỏi:

- "Quăng một cái rựa" là gì bác?

- Ừa quên, - Bác Mười nghiêm nghị nói tiếp - là chừng nào mình thấy mệt là mình tới!

- Vậy sao nói là "quăng một cái rựa"?

- Ý là người ta nói "dậy" mà, là mình cầm trên tay một cái rựa (dao to để chặt cây, đốn củi), chừng nào mình mỏi tay quăng cái rựa xuống là mình tới. Đây về tới Bà Điểm, quăng một cái rựa, từ Bà Điểm băng qua Chợ Lớn về Chợ Đệm phải quăng thêm một cái rựa nữa chớ hông "dừa" đâu!

Nghe Bác Mười nói chuyện lấy cái rựa làm đơn vị đo đường đi, trong khi không có vật gì để đo đoạn đường băng qua đồng, qua ruộng, chúng tôi nhìn bác một cách thích thú, tưởng như nghe kể chuyện đời xưa vậy. Bác Mười, con người lùn, lưng cong vì vác cày, cuốc đất từ nhỏ tới lớn, da dầy xạm nắng, bàn tay, bàn chân nứt nẻ và chai cứng, bác gái cũng chẳng thua, ốm nhỏ, lại còn nhai trầu xía thuốc...

Nhớ năm xưa, có lần tôi với em tôi (lúc đó 4, 5 tuổi), thừa lúc ba tôi ngủ trưa, chạy ra rẫy của bác để bắt dế. Một lúc sau, tôi thấy Bác Mười trai đang ngồi nghỉ trưa trong chòi rom của bác, phì phào điều thuốc. Kế bên bác có

mo cơm nguội vừa ăn xong, với mấy trái dưa chuột bẻ trên giàn cây. Thấy hai đứa tôi đi tới, bác hỏi:

- Mấy cháu đi đâu "dậy", hông sợ bị đòn sao?
- Dạ, đi kiếm dế, bác biết chỗ nào nhiều dế hôn?

Bác vội vàng trả lời:

- Tường gì chớ thứ đó thiếu gì, dế than, dế lửa, dế óc tiêu, dế gì cũng có hết, đi dìa đi, lát chiều, bác tạt ngang nhà bác cho!

Rồi không đợi bác nói tiếp, tôi vụt khen:

- Trời! Bác Mười sướng quá, ngồi đây gió mát quá hả bác? Chớ phải chi cháu có cái chòi nhỏ này ngồi chơi như bác thì sướng quá! Bác làm gì ngoài này suốt ngày vậy bác?

Bác lắc đầu cười cười, nghĩ rằng mấy thằng nhỏ này đâu có hiểu cảnh cực khổ của nhà nông, bác chần chừ một chút rồi chậm rãi:

- Ý, hà rầm hà cháu ơi (là luôn luôn có việc), đủ thứ chuyện (chuyện) hết, nội bắt sâu thuốc cũng mệt rồi.

- Chà! Sao bác dám bắt sâu, bắt bằng cái gì?

Sẵn trớn, bác kể tiếp:

- Bắt bằng tay chớ bằng cái gì? Cây thuốc có nhiều sâu dữ lắm mấy cháu ơi, nó dậy sớm lắm. Hùng đông là nó bò cả dây từ dưới đất lên cây để ăn lá, bởi vậy bác phải dậy từ 3, 4 giờ sáng để ra đây; trời hùng sáng là nó bắt đầu bò lên, nó to bằng ngón tay út của bác chớ hông phải chơi đâu, màu xanh như lá thuốc, khó thấy lắm, nhờ nó ngo ngoe mình mới thấy mà bắt. Mình bỏ qua một bữa hả, là tiêu tung cây thuốc đó mấy cháu! (Cây thuốc cao cỡ đầu người lớn, trồng từng lóng).

Chúng tôi chăm chú như nghe chuyện thần thoại, và vì tôi rất sợ sâu, nghe bác nói đến lấy tay bắt sâu, tôi khâm phục bác quá.

Đây là nơi trồng nhiều cây thuốc, dân làng ai cũng hút thuốc, kể cả đàn bà con gái, con trai nhỏ lười 14, 15 tuổi đã bắt đầu hút thuốc. Thuốc Gò Vấp nổi tiếng là do vùng này sản xuất.

Tản cư về Vĩnh Long

Qua ngày hôm sau, cả đoàn lại khẩn gói từ sớm để lên đường, bác Mười gái đã chuẩn bị một nồi cơm ép trong mo, có kèm mấy con tép rang, lại thêm một gói đậu phộng nấu do nhà trồng, trong khi mấy chị tôi nướng thêm lạp xưởng còn dư. Ngoài ra, còn lo đem theo bình nước sôi để khuấy sữa cho mấy cháu nhỏ.

Trên đường đi, cũng có vài gia đình tản cư như mình với bầu đoàn thể tử, và quần áo. Từ nhà bác Mười, đi theo con đường đất sinh lầy trong xóm, ra khỏi xóm rồi đi dọc bờ ruộng ra đến lộ đá là con đường chạy thẳng từ Trung Chánh qua Bà Điểm, nhờ đường khô, giày dép được mang vô trở lại cho khỏi đau chun.

Sau khi trải qua nhiều trạm kiểm soát, lúc dễ lúc khó tùy theo mấy anh dân quân, là tới Bà Điểm, một nơi khá thị tứ, có quán bán cà phê, hủ tiếu, anh chị tôi cho tấp vào. Mọi người được ăn một bụng hủ tiếu ngon lành.

Ai có trải qua cảnh chạy giặc, đói khát, khô cả cổ, chun lét đi hết nổi, mới biết giá trị của tô hủ tiếu này là dường nào...

Sau khi no bụng rồi, tôi để ý thấy đền thờ Thần ở Bà Điểm, nơi đây năm xưa, má tôi chở mấy đứa con đi chợ từ Trung Chánh qua Bà Điểm bằng xe ngựa, chúng tôi ngồi trên thềm của đền này chờ mẹ mua bánh cho ăn. Cảnh cũ còn đó nhắc mình bao kỷ niệm của tình thương mẹ đối với con...

Bà Điểm, Hóc Môn là hai nơi nổi tiếng từ xưa về trầu cau, và nem (nem Bà Điểm), và là nơi nổi tiếng chống

Pháp: có Thôn Vườn Trầu biểu tình chống chế độ thuộc địa.

Sau khi chúng tôi bước ra khỏi quán ăn, mặt trời gần đứng bóng trên đầu.

Bây giờ là sắp phải qua "đoạn đường chiến binh", nghĩa là băng qua đồng ruộng, nhắm về hướng Chợ Lớn. Giày dép cởi ra, đoàn người nối đuôi nhau đi trên bờ ruộng, cũng có nhiều người khác đi tản cư, không đến nổi lẻ loi. Đồng lúa gió mát, nhưng không đủ làm dịu bớt ánh nắng cháy da; đi một lúc, người nào người nấy mồ hôi đầm ướt. Lại gặp mấy trạm gác, xét giấy tờ, tra gạn đủ thứ, nhờ có mấy đứa nhỏ khóc la nên mấy ông canh gác "đuổi qua" cho lẹ.

Đến 3, 4 giờ chiều, cả đoàn đi gần tới Chợ Đệm thuộc tỉnh Chợ Lớn. Mặc dầu là vùng ruộng, nhưng có nhiều người qua lại tấp nập, lúc đó đang có biểu tình ủng hộ Cách Mạng. Từ phía xa, gần con kinh, có đoàn người đang đi, khiêng một xác người mặc bộ đồ bà ba hàng trắng, tay chum trối lại, giống như khiêng con heo bằng cây đòn gánh.

Đến nơi, chúng tôi được biết người chết là ông Bùi Quang Chiêu, người ta gọi là ông Hội Đồng Bùi Quang Chiêu. Ông nổi tiếng thời đó, vì ông là hội viên trong Hội Đồng Thuộc Địa Nam Kỳ, ông theo học Pháp, giàu có ở vùng Chợ Đệm, "Cách Mạng" nói ông thân Tây, ông có ruộng cho tá điền canh tác, là điền chủ bóc lột người làm ruộng, nên giết ông.

Vì tình hình sôi động ở đây, chúng tôi sợ quá, không còn tâm trí để biết mệt nữa. Anh tôi dặn nhỏ là cả nhà phải cẩn thận lời nói, phải canh chừng, coi lại đồ mình đem đi có gì khả nghi là thân Tây không?

Khi đi đến bờ kinh Chợ Đệm, sắp có bóng mát của mấy lùm cây, anh tôi cho đoàn vô ngồi nghỉ mệt, ăn uống

với đồ ăn đem theo còn lại, kể luôn gói đậu phộng luộc của bác Mười gói cho lúc sáng. Sau đó, anh tôi đi dò hỏi đường sá để về Vĩnh Long.

Mặt trời bắt đầu xế bóng, không thấy bóng dáng anh tôi đâu, cả nhà bắt đầu lo sợ, vì rui anh đi lạc vào xóm nào, người ta có thể tình nghi anh là do thám, đó là điều rất nguy hiểm cho tánh mạng. Chị tôi bảo chúng tôi đưa ngó hướng này, người ngóng hướng kia để tìm anh.

Một lát sau, anh trở lại, mặt nghiêm nghị không nói gì. Thấy anh từ xa, chị tôi cần nhần lớn tiếng:

- Đi gì mà đi dữ vậy hồng biết nữa? Con nó khóc quá trời nè! Rồi tối nay, ngủ đâu?

Anh rề tôi đến gần, ngồi xuống nói nhỏ vừa đủ nghe:

- Mướn được ghe rồi!

Chị tôi mừng rỡ, tưởng nghe lầm:

- Cái gì, có ghe đi hả?

Anh mỉm cười, gật gật đầu. Theo tánh tháo vát từ lâu, anh đi vòng vòng hỏi han và mướn được một chiếc ghe tam bản đủ lớn có thể chở cả gia đình. Cả nhà vui lên, anh đưa ngón tay trở lên miệng và dặn chúng tôi:

- Đừng nói lớn, nếu người khác biết, mình có thể gặp rắc rối!

Trời chạng vạng tối, chiếc ghe tam bản hai mái chèo ghé sát vào bờ kinh, cả nhà lẳng xăng đem đồ đạc lên ghe, không còn biết dỗi một gì nữa. Ghe có mui, khá rộng, con nít vào trong, người lớn chận phía ngoài, anh tôi ra sau lái ngồi nói chuyện với ông chủ thuyền.

Trên ghe, chuẩn bị khá chu đáo, có nồi cơm nấu sẵn lại thêm một nồi cá kho. Cũng có cậu con trai ông chủ ghe, lồi 11, 12 tuổi, đi theo để phụ chèo với ông. Ghe rời bến trong đêm xuống lần. Sau khi cơm nước xong, cả nhà chen chúc nằm như cá mèi hộp trên sàn ghe để ngủ.

Vì đi mệt cả ngày, ai cũng ngủ ngon, lâu lâu bị thức giấc vì có tiếng:

- Xét, xét giấy tờ!

Đọc theo ven sông, thỉnh thoảng có tiếng tu hít réo lên hoặc tiếng súng bắn chỉ thiên kêu ghe thuyền tấp vô đề xét. Đó là các trạm dân quân "Cách Mạng" mọc lên như nấm để kiểm soát sự lưu thông. Lúc đó, chưa có cảnh đứt lốt.

Ông chủ ghe cho biết:

- Bây giờ ở trong ruộng, hai bên Việt Minh với Hòa Hảo găng nhau lắm, họ giết lẫn nhau, cho đi "mò tôm" hoặc "thả bè trôi sông"...

Tôi biết được từ ngữ "mò tôm" bắt đầu từ đó, nghĩa là giết chết xô xuống sông, còn "thả bè trôi sông" là giết một lượt nhiều người cột lại với nhau bằng bè tre hay cây cau, cây dừa, thả cho trôi sông. Mạng con người lúc đó rẻ như bèo bọt, ai có quá khứ bên đối nghịch cho là không tốt, là phản động, có thể dễ dàng bị kết tội và đem đi thủ tiêu.

Chiếc tam bản lặng lẽ lướt sóng, trời bắt đầu tờ mờ sáng... Tuy có ngủ ngon, nhưng vì không quen ngủ trên ghe lắc lư cả đêm, cả nhà thức dậy sớm, lo nấu nước, làm đồ ăn.

Tôi bước ra leo lên mũi ghe ngồi, nhìn mặt trời mọc màu đỏ hồng. Ghe tiếp tục lướt sóng trọn ngày đó với những lần tạt vô bờ cho trạm "Dân Quân" kiểm soát.

Trời bắt đầu chiều, khi ghe đến một khúc sông rộng lớn, có tiếng súng nổ chung quanh nhiều, ông chủ ghe hoảng sợ, cho ghe lui vô bờ, trốn trong bụi rậm... Ở đó một hồi lâu, trời bắt đầu nhá nhem tối, trên ghe hết đồ ăn, anh chị tôi sốt ruột, lo lắng cho cả gia đình. Bỗng có mấy người trong xóm đến, chúng tôi không biết họ là ai nên dè dặt không dám nói nhiều. Ông chủ ghe than thở với người mới đến:

- Trời! Tính đi tới "ngã tư đôi con nước" (là nơi hai con sông gặp nhau) để kiếm quán xá nào mua đồ ăn, mà gặp sủng bản quá trời, phải lùi vô đây...

Ông chưa dứt lời, có tiếng từ trong đoàn người nói lên:

- Thôi mời bà con vô nhà nghỉ, chừng nào yên, đi tiếp!

Chúng tôi mừng rỡ bước ra khỏi ghe... Trong khi vô nhà nghỉ, ông chủ nhà kêu con ông bắt một con vịt làm thịt. Lát sau, chúng tôi nhìn lên trên bộ ván, con chủ nhà đang dọn lên một nồi thịt vịt kho đang bốc hơi với nồi cơm nóng hổi để đãi chúng tôi. Thật không ngờ, đi chạy giặc, lại gặp một gia đình không bà con, không dây mơ rễ má gì với mình, lại có lòng tốt đãi chúng tôi ăn. Bao tử đang cào trong bụng, chúng tôi ăn rất ngon rồi tự hỏi nhỏ với nhau:

- Sao mình không quen lớn gì với người ta, mà sao họ tử tế quá?

Thêm một lần xác nhận lòng rộng rãi và sự hiếu khách của người dân quê mộc mạc!

Sau khi ăn uống xong, lại xuống ghe, đi tiếp.

Đến sáng hôm sau, ghe về tới Vĩnh Long và từ đó, chúng tôi lên "xe lam" về Ngã Tư Long Hồ, nhà má anh Ba tôi. Tính ra là ghe đi hai đêm một ngày, kết thúc chặng chạy giặc thứ nhì đầy gian lao và nguy hiểm.

Tại Nhà Bà Bác

Bà Bác (má anh rể tôi) thấy cả nhà xuống thành linh, chạy ra mừng rỡ, luôn cả Cô Hai và Cô Năm là chị và em của anh.

Nhà Bà Bác là một căn nhà lá, chỉ có một căn, nhưng rộng chiều ngang, và có chiều sâu ra tận phía sau, giữa một mảnh đất khá lớn, chung quanh có trồng nhiều thứ

cây, như cau, trầu, măng cầu xiêm, ổi, cóc, mận, khoai mì, khoai lang..., cũng có nuôi một số gà vịt. Đó là lối sống cổ điển trong Nam, tôi thiếu phải có mấy thứ đó.

Anh kể tôi khi về dưới này thấy thoải mái lắm, vì là nơi chôn nhau cắt rún, giống như cá thả xuống nước, anh vui vẻ, đi thăm bạn bè suốt ngày. Mấy cháu nhỏ có người lo, nào bên nội, nào bên ngoại.

Trong khi chờ đợi, mỗi ngày tôi vẫn lấy sách vở ra học, cả đến tối.

Nhưng lúc đó, đâu có dầu lửa, nhà bà Bác thắp sáng bằng những cây que quần dầu mù u. Que bằng lát tre như chiếc đũa dài non nửa thước, có quần gòn, và tấm dầu mù u. Dầu mù u là do trái mù u, người dân lượm về "thắng ra dầu" để đốt, dầu này sệt sệt màu đậm giống như nhớt xe hơi, không ăn được. Một cây que dầu mù u cháy được 15 phút.

Thường ở nhà quê ngủ sớm, hơn nữa, vì tiết kiệm, nhà chỉ đốt cây que mù u khi cần thiết. Nhưng tôi không để ý, hai bữa sau, chị tôi nói nhỏ với tôi:

- Em à! Em muốn học bài học vở thì học ban ngày, em đốt đèn học ban đêm làm bà bác sốt ruột lắm!

Tôi còn đang ngẩn ngơ chưa hiểu vì sao bà bác khó khăn như vậy, chị tôi nói tiếp:

- Bà Bác là người tốt bụng chứ không phải xấu đâu, nhưng hoàn cảnh làm cho bà phải ke re cắt rất từ chút.

Và chị kể lại cảnh gian nan của gia đình mẹ chồng. Theo câu chuyện, từ khi chồng mất sớm, một mình bà đùm bọc cả gia đình, lo nuôi bốn người con đến khôn lớn. Bà làm đủ mọi việc nặng nhọc của đồng quê, hằng ngày đem ra chợ bán những món trong vườn như trầu, cau, rau cải, với các con còn nhỏ giúp sức. Nhờ đó, bà đã lo cho hai người con trai học lên lớp nhứt trường tiểu học.

Về mấy que làm đèn thấp ban đêm, đích thân bà mỗi ngày ngồi còm lưng để chuốt tre, làm que đuốc, đích thân quần gòn vào cây que, nhúng vào dầu mù u và đem ra phơi ngoài nắng cho dầu cứng lại. Bao nhiêu công sức của bà góp vào để làm ra cây đuốc, do đó, bà chỉ dùng khi cần thiết thôi.

Sau khi nghe chị tôi nói rõ hoàn cảnh của bà, tôi thấy thương bà hơn trước và tôi nghĩ không nên phí phạm công sức nhọc của bà làm ra.

Vì thấy ở đây lâu quá bất tiện với gia đình quá đông, anh chị tôi quyết định chia làm hai, một số nhỏ tuổi ở lại Ngã Tư Long Hồ, một số khác là hai chị tôi với tôi tản cư về nhà cậu mợ tôi ở Kinh Bờ Bao, Sa Đéc, là nơi năm xưa tôi đi nghỉ hè mà không muốn trở lại.

Tản cư về Sa Đéc

Chuyến đi này vào khoảng cuối tháng Mười (1945) là mùa nước lớn mỗi năm, nước từ hồ Tonlé Sap (Biển Hồ) trên Cao Miên tràn xuống, làm mực nước sông Cửu Long dâng cao, đem đất phù sa theo. Cả vùng đồng quê trên đường sông từ Vĩnh Long về Sa Đéc, đầy ngập nước, lúa nhờ đất phù sa tăng trưởng mau và cao hơn. Thủy sản theo dòng nước đó đi khắp nơi trong sông rạch.

Nhà cửa hai bên bờ sông đều ngập nước, không cao hơn bộ ván, xuống nhỏ chun vô đầu dưới gầm bàn. Trong một căn nhà, trên bộ ván, có hai em bé lồi 3, 4 tuổi ở trường dòng dòng, kế bên có đứa chị lồi 7, 8 tuổi trông chừng, trong khi cha mẹ đi ra ruộng. Nhà không cửa, trông từ trước thấu ra sau, chỉ thấy vách lá, và hai bộ ván hai bên, ở giữa có bàn thờ, dưới bàn thờ có chiếc xuống ba lá nằm trên mặt nước. Nước bao quanh nhà, và bên ngoài cũng toàn là nước.

Vào thời đó, người dân trong ruộng bị thiếu thốn, vì chiến tranh, không có vải may mặc, người dân phải lấy vải bố tời (bao bố đựng gạo, lúa, đường) thay quần áo. Lúc bấy giờ, khi ghe đi ngang những căn nhà hai bên bờ, tôi chứng kiến rõ ràng cảnh hai vợ chồng dùng bao bố làm quần áo. Bao bố được cắt ra thành cái "chăn xà rồng" theo kiểu người Ấn Độ, thay thế quần, ông chồng ở trần, bà vợ che thêm một mảnh bố trên vai như phủ áo choàng.

Cảnh đó làm cho tôi thấy buồn man mác, tội nghiệp cho người dân lam lũ, ăn không đủ no, áo quần không có để mặc.

Khi về đến Bình Tiên, Kinh Bờ Bao, cũng vẫn cảnh năm xưa, nhưng bây giờ con sông không còn hiền lành như trước, vì thỉnh thoảng có vài xác người trôi lênh bênh, hoặc từng bè năm sáu xác người cùng với đám lục bình trôi lên xuống theo con nước lớn nước ròng, đúng như ông chủ ghe nói với anh tôi trên sông Chợ Đệm.

Ở nhà cậu tôi được một tháng, nghe nói Tây đã về lại các tỉnh, nhưng trong đồng quê, có chỗ do Việt Minh, chỗ do Hòa Hảo kiểm soát, tại tỉnh lỵ là Tây, như vậy, nếu người dân đi từ quê ra tỉnh, họ sẽ gặp ba chế độ, và nơi nào, họ đều phải là "con giun con dế", nghĩa là phải chịu hai ba trùng.

Vài tháng sau là mùa lúa chín, mực nước bắt đầu hạ xuống. Đồng lúa vàng khè khắp nơi, bông lúa đã trở thành hột màu vàng sậm, mỗi cơn gió thổi qua làm nổi lên từng gợn sóng trên toàn thể biển lúa vàng. Người nông dân vui thú, nhìn công sức nặng nhọc của mình trong suốt năm biến thành kết quả.

Tùy từng nơi, tại vùng Sa Đéc, bấy giờ, thiên hạ nô nức lo vụ mùa, là gặt lúa.

Cây lúa cắt xong được gom thành từng bó và được đập tại chỗ vào một cái "bồ": hột lúa văng ra trong bồ; cây lúa còn lại là cọng rơm; đến chiều, họ xúc lúa đem về nhà bằng ghe xuống, rơm còn lại sẽ được đem về nhà sau đó để cho trâu bò ăn hay dùng để lợp mái nhà, làm vách...

Cũng mùa này, chuột rất nhiều, chuột đồng ra ăn lúa, chỉ cần có cái rọ là bắt được chuột. Rọ là một cái bẫy không có mồi, chuột chun vô không ra được. Rọ được đặt ở cuối đường chuột chạy trong ruộng lúa, chỉ cần lấy cây đập xạc xạc chung quanh, chuột chạy theo đường đi cũ của chúng và cuối cùng chun vào rọ. Chuột mùa này thịt rất ngon, vì chúng ăn toàn hột lúa. Việc đuổi chuột phân đông là việc của mấy bé trai.

Mùa này rất vui, vì sau khi gặt lúa, thiên hạ bắt đầu tát đìa, bắt cá.

Tát đìa là gì? Trong Nam, nhắc đến cảnh tát đìa là nói đến cảnh náo nhiệt, đông người, vui vẻ. Đìa là một khúc mương, một khúc ven bờ sông, bờ kinh, bốn, năm thàng về trước, người ta bắt đầu đào thêm cho sâu, đắp bờ cao nhưng còn để cho nước thủy triều ra vào. Xong người ta cắm chà xuống. Chà là các cành cây, mục đích là làm một nơi ẩn trú mát mẻ, an toàn cho cá chun vào sanh nở trong đó.

Đến ngày tát đìa, người dân tập trung đông đảo để dỡ chà và tát nước ra; khoảng 2, 3 tiếng đồng hồ sau là nước cạn, họ bắt đầu bắt cá, toàn là cá lớn, cá lóc to bằng bắp vế, bắp chuối, cá trê vàng, cá trê đen lớn bằng bắp tay, cá sặc giầy giữa lấp lánh, con nào con nấy bằng bàn tay người lớn; tôm cũng nhiều, rất tôm cang, to bằng trái chuối sứ, màu xanh dương đậm vẩy đành đạch. Cua cũng không ít, to gần bằng cái đĩa, mai cứng như đá, màu đen kịt.

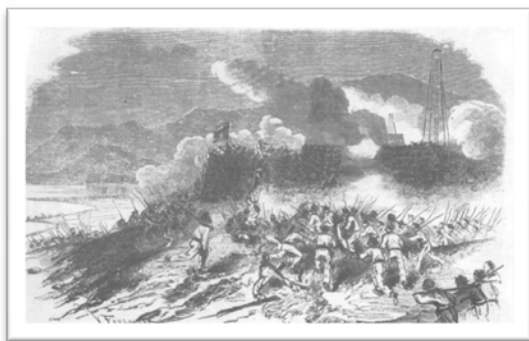
Con nít, người lớn bao quanh, vừa xem vừa chờ người chủ cho phép hay là đìa tát xong, để họ "nhào"

xuống đìa "hôi" cá (mót cá), tìm những con còn sót lại, người nào cũng kiếm được cả rô cá, tôm cua loại nhỏ. Ai cũng vui vẻ hả hê.



Chương 8

Thời Loạn Lạc



Phật Giáo Hòa Hảo

Tình hình chánh trị càng lúc càng căng thẳng.

Ngoài tỉnh lỵ, quân Pháp chiếm cứ, trong thôn quê, cảnh chém giết giữa Việt Minh và Hòa Hảo càng thêm gay gắt. Con sông xưa hiền lành, nay con người đã làm cho dòng nước trở thành ghê rợn. Như có nói trên, từng xác người riêng rẽ, hoặc từng bè cột năm, bảy xác người dính chung, cùng hòa với đám lục bình trôi lên trôi xuống theo con nước, không ai màng chôn cất, đợi cho cá rĩa nát thôi. Không riêng nơi nào tại miền Tây, các sông rạch đều có thảm cảnh đó, từ Sa Đéc qua Long Xuyên, Châu Đốc đổ qua Đồng Tháp Mười...

Vậy Hòa Hảo là ai? Từ đâu đến?

Phật Giáo Hòa Hảo được Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ sáng lập năm 1937, dựa vào thuyết Phật Giáo. Đạo có tên là Phật Giáo Hòa Hảo, vì nơi khai sinh ra đạo là làng Hòa Hảo, thuộc tỉnh Châu Đốc. Có thể nói hầu hết dân miền quê ở các tỉnh chung quanh đều vô đạo đó. Đạo nhắm vào nông

dân Việt Nam, bằng cách lấy thuyết nhà Phật để áp dụng vào hoàn cảnh thờ phượng tổ tiên của người Việt Nam. Đạo chủ trương thờ Tứ Ân:

- 1) Tổ Tiên (Ông Bà, Cha Mẹ)
- 2) Tổ Quốc
- 3) Tam Bảo (Phật Pháp Tăng)
- 4) Nhân Quần, Xã Hội

Đạo hữu Hòa Hảo mặc đồ màu nâu (màu đà), ăn chay trường, không ăn hột gà, hột vịt, hay chất gì liên quan đến sanh vật; đàn ông để tóc dài phủ xuống vai.

Thờ phượng: không có nhà thờ, chỉ có một nơi hội họp đọc kinh, giảng đạo, không có hình tượng chi cả, chỉ thờ lá cờ màu đà (nâu).

Mỗi nhà có bàn thờ, chỉ cúng hoa quả, nước lạnh, phía trước sân nhà có bàn thiên.

Kinh sấm giảng là do Đức Thầy soạn ra, dạy đạo làm người, thờ kính ông bà cha mẹ, phục vụ tổ quốc, quy y Tam Bảo, sau cùng lo cho nhân quần xã hội. Đó là phần lý thuyết về đạo.

Nên nói thêm là Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ đã bị Việt Minh sát hại vào năm 1947, theo như kể lại sau đây:

"Hôm đó, hai bên Hòa Hảo, Việt Minh thỏa thuận họp nhau để giải quyết tranh chấp. Họp tại Đốc Vàng, Cao Lãnh, một quận lúc đó thuộc tỉnh Sa Đéc. Vào khoảng 5, 6 giờ chiều, thầy Huỳnh Phú Sổ đến dự họp với một số người bảo vệ. Vừa vào nơi họp, một số người từ trong nhảy ra, chia nhau đâm chém các hộ vệ chết hết, Thầy bị bắt dẫn đi và giết sau đó. Lúc đó Thầy lồi 37 tuổi".

Cũng nên biết thêm là Thầy Huỳnh Phú Sổ, người nhỏ con, ốm yếu, hồi nhỏ đau ốm hoài. Sau đây là lời thuật của một người bạn tôi quê quán ở Cần Thơ:

"Hồi nhỏ, tôi thường theo bà ngoại tôi đi nghe Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ giảng kinh, vì quê tôi ở Long Xuyên,

cũng là xứ Hòa Hảo; không riêng Long Xuyên, tất cả các tỉnh chung quanh, họ đều vô đạo Hòa Hảo... Thầy Huỳnh Phú Sổ mới 18 tuổi đã viết ba cuốn Sấm Kinh giảng đạo. Ông học không đến hết lớp Sơ Học, tức là lớp Năm, tuy vậy, con người thông minh lạ thường. Ông có thể giảng kinh lưu loát rành rã ba tiếng đồng hồ, không ngừng nghỉ, không uống nước. Đạo ông hấp dẫn đối với người nông dân Việt Nam vì rất đơn giản, không cúng kiếng, không lễ bái rườm rà, chỉ cúng nước lạnh với trái cây, bông hoa, kinh kệ lại hợp với người Việt Nam. Ngoài giảng kinh, ông lại còn cho thuốc trị lành bệnh nhiều người, bởi vậy dân mến mộ ông lắm. Anh nghĩ coi trên thế giới này có đạo nào trong ba năm đã thu hút hơn bốn triệu tín đồ không?"

Anh bạn tôi kể lại theo điều mắt thấy tai nghe, không có ý tuyên truyền, vì anh lúc nhỏ chỉ đi theo bà ngoại nghe giảng đạo, riêng anh không theo đạo Hòa Hảo.

Về phần đời, đạo tham gia chánh trị, thành lập đảng Dân Chủ Xã Hội, gọi là Dân Xã, có lực lượng võ trang, và đây là mầm xung đột đẫm máu với Việt Minh, vì Việt Minh không dung tha một đảng phái nào khác, nhứt là đảng đó lại có quyền lực súng đạn. Do đó, có cảnh chém giết lẫn nhau, máu chảy đầy sông ở miệt Hậu Giang vào thời đó, dân lành lo sợ không ít.

Ngày Tháng Đau Buồn

Vùng Kinh Bờ Bao chỗ cậu tôi ở, nông dân toàn là Hòa Hảo, các tá điền của ông đều thuộc thành phần đó. Việc bất hòa giữa người chủ ruộng thuê lúa do cậu tôi đại diện và người tá điền luôn luôn xảy ra. Đại diện chủ ruộng cho tá điền mướn đất, tùy theo khả năng của họ, từ vài công đất tới cả chục công, và đến mùa gặt lúa, họ nạp cho chủ ruộng bốn, năm gạ lúa cho mỗi công ruộng. (Gạ là một đơn vị đo lường, tương đương với 40 lít). Đây là thỏa thuận

giữa chủ ruộng và nông dân. Nông dân nghèo, nhiều khi mất mùa hay vợ ốm con đau, không đủ lúa để nạp cho chủ; ngoài ra còn một số vì lý do này nọ không đóng đủ lúa...

Người chủ ruộng càng giàu thêm, nhà cửa sang trọng trong làng mạc nông dân nghèo khổ, do đó, người chủ ruộng bị xem là người bóc lột nông dân.

Phong trào Việt Minh nổi lên, chủ trương địa chủ là giai cấp bóc lột cần phải tiêu diệt. Vì mới bắt đầu, việc triệt hạ lúc đó chưa thành hệ thống, còn lẻ tẻ, một số người thuộc thành phần nổi bật như bị thanh trừng trước. Vùng này là vùng của Hòa Hảo, cách đối xử với địa chủ cũng giống như Việt Minh. Trong trường hợp cậu tôi, tuy chỉ là đại diện cho chủ ruộng, nhưng là người trực tiếp đối đầu với nông dân, cậu bị chú ý trước.

Mợ tôi có nói với cậu:

- Theo tình hình này, chắc cậu nó phải tìm cách lẩn trốn chỗ nào đi, hay là về Sài Gòn đi!

Cậu cắt ngang:

- Ôi, mấy thằng dốt đó, sợ nó cái gì? Tui chơi với mấy anh lớn tui nó, tui đi họp với mấy anh, mấy anh nói cứ làm ăn đi, hồng sao đâu!

Phần hai chị tôi, khi đến nhà cậu một thời gian, có bất hòa với mợ tôi, hai chị bỏ về Sài Gòn.

Như vậy chỉ còn tôi ở lại với cậu mợ tôi, lúc đó tôi được 18 tuổi.

Một hôm sau Tết, vào cuối tháng Giêng ta, khoảng 12 giờ khuya, tôi đang nằm ngủ ngoài phòng khách trên bộ ghế tràng kỷ, tôi giựt mình nghe có tiếng chạy thình thịch ngoài sân, chung quanh nhà. Có tiếng la:

- Thầy Năm Liêng đâu? Thầy Năm Liêng đâu?
(Năm Liêng là tên của cậu tôi)

Và có tiếng đập mạnh cửa phía hông nhà, nơi buồng cậu tôi ngủ.

Tôi nhìn xuyên qua kẽ hở vách tre đan, thấy mẹ tôi đang đốt cây đèn dầu lên, vừa hỏi:

- Mấy anh muốn gì?
- Mời thầy Năm đi!
- Nhà tôi không đi đâu hết.

Sau đó, họ tung cửa vào, bắt cậu tôi, ông lặng thinh không nói một lời, cũng không chống cự trong khi mẹ tôi chạy vòng vòng, cản trở:

- Bây không được bắt chồng tao, không được bắt chồng tao!

Bà vừa nói lớn tiếng vừa nhảy lên trước mặt làm hàng rào cản. Thật đêm hôm đó, tôi mới thấy cảnh vợ bệnh vực chồng giống như con gà mẹ che chở cho gà con bị chồn sắp bắt, gà mẹ nhảy lên tung móng ra, xòe cánh che đàn gà con lại. Một lát sau, mấy ông đó tát bà mấy cái, bà còn tỏ ra hung tợn hơn trước.

Họ kéo tay cậu tôi, trói ra sau, bà nhào vô lấy đầu cản trở, họ nắm tóc bà ra, xô bà té xuống đất, bà la lên:

- Chồng tao không đi đâu hết!

Sau rồi, hai người nắm hai cánh tay bà, mấy người kia dẫn cậu tôi đi ra, xong, họ buông bà ra và bỏ đi. Bà chưa chịu thua, chạy theo, vừa la lớn:

- Thả chồng tao, thả chồng tao!

Hai người đi sau, trở lại tát vào mặt bà, bà té nhào xuống đất.

Tôi nằm trong nhà, im thin thít, xót xa nhìn người thương trong gia đình mình bị hãm hại, không dám làm gì, sợ họ lại bắt mình đi càng khổ hơn. Đến khi bà trở vô, tôi ra nhìn bà một cách ái ngại. Bà rên la, khóc kêu thảm thiết cho đến sáng.

Không một người lối xóm nào đến tiếp cứu, hỏi han, vì nhà cách nhau xa quá, không biết có ai nghe không. Nhưng nếu có nghe đi nữa, họ cũng không dám hay không muốn tiếp cứu, vì người láng giềng cũng là đồng đạo Hòa Hảo.

Qua sáng hôm sau, bà mợ dẫn tôi ở nhà để bà đi tìm cậu tôi. Bà sớm đi chiều về, ròng rã cả tuần lễ, người chỉ nơi này, người nói chỗ kia, chỗ nào bà cũng đến, lần nào cũng trở về buồn bã, nhỏ dãi nước mắt. Có nơi còn hứa vài ba bữa nữa, sau khi xét xử, người ta sẽ thả ông. Bà nuôi hy vọng...

Rồi ngày tháng trôi qua, bà thui thui một mình, sống với hy vọng ông sẽ về. Hy vọng cũng làm cho bà đỡ khổ, mặc dầu đó là ảo vọng.

Ôi mộng đời!

Cùng lúc đó, tôi bắt đầu bị bệnh sốt rét. Mỗi ngày, lối 10 giờ sáng, tôi bắt đầu lên cơn rét, run lập cập, phải ôm cái mền ra sân ngồi phơi ngoài nắng, chịu trận cho đến khi cơn rét xuống, hơn một tiếng đồng hồ sau.

Bà mợ bận đi tìm cậu tôi, thân bà bữa đói bữa no thất thường, còn đâu tâm trí lo cho tôi? Hơn nữa, lúc đó tại vùng quê, không có thuốc men gì cả. Lâu lâu, bà cạo gió cho tôi, có ngày tôi mệt quá, ăn cơm không được, bà nấu cho tôi chút cháo ăn với muối.

Mỗi ngày, vào buổi sáng, nếu ai đi ngang trước nhà, đều thấy cái mền run run ngoài sân. Thêm vào đó, tôi lại bị bệnh ghê, ghê nổi lên cùng mình, khi ngứa gãi đã lắm, ngày sau nó làm mủ, sưng lên làm thành mụn lớn bằng hột tiêu, bể ra chảy nước dơ dáy đầy mình. Cũng không có thuốc men gì cả, ở đó chịu trận.

Thôi rồi tuổi thanh xuân của tôi! Bao nhiêu mộng đẹp giờ đây chịu chôn vùi trong ngõ hẹp, tại hang cùng của xứ Kinh Bờ Bao này, với nhiều căn bệnh hoạn hiện không có thuốc chữa trị. Rồi cũng không biết bao giờ mới trở về quê cũ, tôi không tự mình quyết định được gì cả, trong mình không một xu dính túi. Lúc nào ngang dọc bao nhiêu, giờ đây thâm quá!

Cùng lúc đó, tôi được tin đứa em gái 15 tuổi tị nạn ở Ngã Tư Long Hồ, vừa qua đời vì bệnh ban cua (bệnh thương hàn). Sau này tôi biết là lúc đó có dịch ban cua, đa số bệnh nhân chết vì không có thuốc.

Chưa hết, bệnh rét còn đang hoành hành, bệnh ghê chưa được trị, lại tới bệnh thũng. Sau gần 2 tháng, tôi gồng mình với mấy cơn bệnh trên, tay chùn bắt đầu sưng lên, giống như người mập. Bà mợ lo sợ, vì theo đà đó, tôi có thể chết; bà nói với tôi:

- Thôi, việc đồng áng gần xong, cậu cháu tới giờ này không biết sống chết ra sao, mợ ở lại một mình cũng được, để cho cháu trở về Sài Gòn tìm cách trị bệnh!

Tuần lễ sau, tôi rời khỏi Kinh Bờ Bao, trong khi đó, không có tin tức gì về cậu tôi. Nghe nói lại, là đêm bắt ông, khi đi được khoảng trăm thước, ông bị đâm chết, xác lấp dưới địa, không ai tìm ra được tông tích.

Gia Đình Ly Tán

Tình hình Sài Gòn yên tĩnh trở lại sau khi Việt Minh rút vào bung.

Cảm giác đầu tiên của tôi khi bước vô nhà cũ ở Bình Hòa là thấy bàn, ghế, bộ ván thấp hơn trước: tôi đi vắng mới có 4, 5 tháng nay thấy mình cao hơn, cảnh vật lùn, thấp hơn. Nhà cửa vắng hoe, không người ở.

Tôi chạy qua nhà lân xóm là nhà anh chị Tư Lý, hỏi han sự tình. Anh chị Tư Lý là gia đình thân nhứt với chúng

tôi vì nhà chỉ cách cái sân, không có hàng rào chi cả. Anh Tư làm thợ tiện cho hãng buôn, nên Việt Minh không cấm đi làm, chị Tư ở nhà lo cho gia đình gồm có hai con lỏi 5, 6 tuổi.

Chị rất ngạc nhiên về tình trạng sức khỏe của tôi và khuyên tôi ráng trị bệnh. Chị mời tôi dùng cơm, và sau đó, chị lấy tay chỉ qua căn nhà bên cạnh:

- Em nhớ nhà chú Hai đó chứ?

- Phải gia đình Cao Đài đó hôn chị? - tôi hỏi lại.

Nhà đó mới dọn về sau này, tuy ở gần nhưng ít chơi với ai, tôi chỉ biết nhà gồm có hai vợ chồng với 9 đứa con vừa trai và gái, mỗi tối đều đọc kinh Đạo Cao Đài theo thể thơ lục bát:

"Hồi nào ở chốn đèn vàng,

Bây giờ gởi xác đồng hoang một mình.

Hồi nào mắt đẹp mày xinh,

Bây giờ như đông thịt sinh mà thôi.

Hồi nào đứng đứng ngồi ngồi

Bây giờ yên lặng như cành cây khô...."

đầu câu lục là "hồi nào", đầu câu bát là "bây giờ", và cứ tiếp tục như vậy, từ đầu cho đến cuối kinh, ý là muốn nói cuộc đời đổi thay, "hồi nào" sum họp, "bây giờ" chia ly, hoặc "hồi nào" giàu sang, "bây giờ" hết tiền của, nghe êm dịu và thấm vào lòng người, đại ý khuyên mình nên xem gương người trong cuộc đời đổi thay nên ăn hiền ở lành...

Chị Tư cho biết người chồng (chủ nhà đó) bây giờ chỉ còn sống một mình, vợ và tất cả con cái đều bị giết chết. Tôi giật mình, muốn tìm hiểu thêm điều gì xảy ra?

Số là một ngày nọ, vợ với mấy con đi về quê ăn Tết ở Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Tây Ninh là thánh địa đạo Cao Đài.

Người chồng đợi hoài không thấy vợ con trở về, nóng ruột đi tìm vợ, sau biết vợ con đã bị Việt Minh giết chết hết trong một mô chôn tập thể gồm có cả trăm người.

Theo nói lại, đêm hôm đó, có lệnh tập hợp bà con trong xóm quê của anh chị ở Trảng Bàng để nghe giảng dạy về đường lối của chánh phủ Cách Mạng. Khi dân làng tụ họp đông đủ, súng nổ, già, trẻ, trai, gái, lớn, nhỏ đều ngã quỵ, trong số có vợ con anh. Bây giờ, ông chồng khờ khờ đại đại như điên.

Cũng như đối với đạo Hòa Hảo, Việt Minh không "đội trời chung" với đạo Cao Đài, vì về phần đời, đạo Cao Đài cũng có lực lượng võ trang, tổ chức thành hệ thống như quân đội, chính vì đó mà Việt Minh không dung tha. (1)

Sau khi kể chuyện về gia đình chú Hai Cao Đài, chị Tư còn cho biết thêm là ông Mười Sơn ở căn phố bia đằng trước cũng chết rồi, chết vì bệnh.

Chuyện về ông này vui lắm, mặc dầu ông không chơi với ai, nhưng lối xóm đều biết tiếng. Không biết ông làm gì, chỉ biết ông đi làm, bà vợ ở nhà; đến ngày chủ nhật, ông bắt đầu nằm đong đưa trên võng trước hàng ba. Sau khi đã "tu" vô mấy xị đế (rượu trắng 40 độ), ông bắt đầu chửi, ông không chửi ai, không làm mích lòng ai, chỉ kêu tên ông mà chửi:

- Mười Sơn ơi! Mười Sơn ơi! Mày là thằng khốn nạn, thằng chó chết, Mười Sơn ơi!...

Và cứ như vậy lập đi lập lại gần nửa tiếng đồng hồ cho đến khi nào tiếng nói thấp dần rồi ông thiếp ngủ thôi.

Nói về ông bà nuôi của tôi, chị Tư kể:

- Tình cảnh ông bà Tư rất tội nghiệp, hai ông bà già suốt ngày đi ra đi vô, buồn thảm lắm. Vì ông làm cho sở Ba Sơn, là hãng sửa tàu của Pháp, Việt Minh cấm người đi làm cho Pháp, nếu không tuân theo, sẽ bị bắn chết. Sau đó, ông

bà không còn tiền bạc gì nữa, phải bán nhà về ở dưới xóm đạo Nhà Thờ Bà Chiểu.

Tôi lần mò tìm đến thăm ông bà, trong một căn phố mướn, vách ván lợp ngói, vừa vặn để ông bà ở. Căn phố này là của một bốn đạo trong nhà thờ cho ông bà mướn:

- Cô dựng trả tiền mướn, khi nào dựng mất, cô cứ ở, không lấy tiền phở cho tới bao giờ cô không ở nữa, cô trả nhà lại cho tôi!

Xem đó, ta nhận thấy là người cùng đạo rất thương nhau và giúp đỡ lẫn nhau.

Xóm này không lạ đối với tôi, vì hồi nhỏ, bà thường đến chơi, đánh bài tứ sắc, mỗi lần đi có dẫn tôi theo.

Thấy tôi thỉnh linh bước vô nhà, bà mừng rỡ, nước mắt ràn rụa:

- Chúa ơi! Con đi đâu mà biệt tông biệt tích "dậy", sao con xanh xao vàng vọt quá "dậy"?

Tôi kể cho bà nghe mọi sự việc từ ngày bắt đầu chạy tản cư, bà nói:

- Thôi con đừng đi đâu nữa hết, ở đây với ông bà, để bà lo thuốc men cho con. Con ăn gì chưa, để bà dọn cơm con ăn?.

Mặc dầu tôi nói ăn rồi ở nhà chị Tư Lý, bà vẫn bày đồ ăn ra và ép tôi ăn. Trong khi đó, bà buồn rầu tả lại tình cảnh ông bà lúc sau này:

- Khổ lắm con ơi! Người ta cấm đi làm, ông con đâu dám trở lại sở Ba Son của Tây, họ bắn chết mấy người rồi. Tiền bạc đâu để sống, phải bán đồ, bán đặc ăn lần lần cho qua ngày. Có lúc bà cũng làm liều, bà lén ông mua hột gà đem ra Sài Gòn bán, dọc đường mấy lần bà xem bị tụi nó (dân quân) bắt, hễ nó bắt là nó giết liền, nó nói mình tiếp tế cho Tây, nhờ bà giả đại qua ải, nó thấy bà già lụm khụm, không xét kỹ. Về nhà bà kể cho ông nghe, ông la bà quá...

Sau đó, ông bà phải bán nhà, bán đồ bán tháo, dời về dưới này ở cho yên thân... Bà không biết con ở đâu, đêm nào trước bàn thờ Chúa, ông bà cũng đọc kinh cho con, bà không dè con ra nông nổi này!

Bà kể tiếp:

- Xóm này là xóm đạo, người cùng đạo họ tốt lắm, giúp đỡ, che chở lẫn nhau, ông đi làm trở lại để có tiền sống, hơn nữa, gần nhà thờ, tiện đi lễ đọc kinh.

Buổi chiều ông đi làm về, khi bà kể chuyện của tôi cho ông nghe, ông lắc đầu chất lưỡi. Ông dặn tôi:

- Chờ mạnh trở lại, rồi kiếm việc làm, cứ ở nhà ông bà, đừng đi đâu nữa hết!

Tôi chạy ra Khánh Hội tìm gia đình anh chị Ba tôi.

Việc buôn bán cả phê của anh chị bị đình trệ. Cả mấy tháng sau, sau ngày di tản, gia đình mới trở về, để nhìn thấy nhà cửa tan hoang, tất cả đồ đạc trong nhà đều bị cướp bóc... Cả nhà xúm nhau, chia đi bán bột, đậu, đường..., tìm được món nào tiêu thụ được, bán món đó, trong khi chờ đợi gầy vốn làm lại cả phê.

Sau khi tôi về ở với bà nuôi, bà lo kiếm lá nhào, lá duối, nấu nước cho tôi uống để trị bệnh thũng. Mỗi ngày, bà bắt tôi uống hai ba tô nước thuốc, mùi thuốc lạt lạt, tanh tanh, tôi ngán không chịu uống, bà giận lên:

- Muốn chết hay sao mà hông uống?

Quả nhiên, sau bốn năm ngày uống nước đó, da tôi xẹp xuống lần lần...

Còn bệnh rét, tuy mỗi ngày tôi mỗi lên cơn, nhưng nhờ cô chủ phố là y tá nhà thương Bà Chiêu, cho tôi thuốc "ký ninh" (quinine) uống mỗi ngày 3 viên trong vòng một tháng, bệnh rét lần lần thuyên giảm. Sau này thỉnh thoảng bệnh tái phát, nhưng nhờ thuốc men đầy đủ, tôi vượt qua

được, tuy vậy, hậu quả bệnh này kéo dài cả chục năm về sau.

Về bệnh ghẻ của tôi, tôi được cho thuốc "thủy" để bôi xức lên. Thuốc "thủy" là một loại kem màu vàng, thời đó rất thông dụng để trị ghẻ. Tôi nghĩ chắc sau này, da tay, chun, mình mẩy sẽ đầy lỗ đầy thẹo, nhưng chỉ trong vòng hơn năm sau, da trơn tru trở lại như trước, không cần phải đi "thăm mỹ viện lột da"!

Thật không ngờ, tôi bị ba thứ bệnh cùng một lúc, không đi bác sĩ nào, mà được lành bệnh. Cũng như ông bà nuôi tôi, từ nhỏ tới tuổi già, chưa bao giờ đến gặp một bác sĩ.

Những điều không may xảy cho gia đình tôi, thật không thể nào đoán trước được. Một sớm một chiều, hay mới mấy tháng thôi, thời cuộc đã gây ra cảnh vật đổi sao dời, gia đình đang xum họp nay phải ly tán...và không phải riêng gì gia đình tôi!

(1) Sơ lược về đạo Cao Đài, còn được gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

"Triết lý căn bản của Đạo Cao Đài là lấy "Tam giáo quy nguyên" (ba tôn giáo lớn của Á Đông là Khổng, Lão, Phật trở về một nguồn gốc) và lập "Ngũ chi phục nhứt" (Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo trở về một cội), Đạo thờ Đấng Chí Tôn là Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn (tức Trời), lấy "Con Mắt" tiêu biểu sự sáng suốt của đấng Chí Tôn.

Cao Đài chia ra làm nhiều phái và có các chi phái được thành lập ở nhiều nơi. Hai phái lớn nhất có Thánh Thất ở Tây Ninh và Kiến Hòa (Bến Tre)".

(trích từ quyển "Nước Tôi, Dân Tôi" do Cơ sở Đông Tiến ở San Jose phát hành năm 1989).

Chương 9

Dòng Đời Dang Dở



Dấn Thân

Trường Pétrus Ký đóng cửa, sinh viên tạm thời "xếp bút nghiên", chờ một ngày "hết mưa đến nắng". Một số phải dẹp qua việc học hành để bước lên đường tranh đấu. Mong du học của tôi biến thành mây khói.

Sau khi ở nhà Bà Nuôi trị bệnh gần hai tháng trời, tôi được bình phục. Tôi bắt đầu liên lạc lại với mấy anh em quen biết, đa số là anh em cùng lớp Pétrus Ký vùng tôi ở. Mấy bạn thân, nghe tôi có mặt, vui mừng lắm. Lại rủ nhau tham gia vào phong trào chống Pháp, lúc đó là một thời thượng, người nào không chống Pháp là kẻ như người đò "mê bơ sữa", không dám dấn thân, sợ chết, không đáng mặt thanh niên.

Nếu chúng tôi có đứng vào hàng ngũ kháng chiến lúc đó thì cũng là nổi gót bao nhiêu anh hùng đi trước, chung quanh chúng tôi, mấy anh học lớp trên cũng xả thân ra giúp nước, còn mình sao lại ngồi yên?

Xa hơn nữa, Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông đã lên đoạn đầu đài ở Yên Bái. Nguyễn An Ninh, sau khi đi học Pháp về, đã vào tù ra khám và sau cùng chết trong ngục tù ở Côn Đảo...; Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Sô ... đứng ra tranh đấu cho quốc gia, cũng vào tù ra khám, lại bị Việt Minh sát hại. (Việt Minh kết tội mấy vị này thuộc nhóm Đệ Tứ, trong khi Việt Minh tự xưng mình là Đệ Tam Quốc Tế).

Thêm vào, qua lịch sử Cách Mạng 1789 Pháp, mình thấy dân tộc Pháp hào hùng bao nhiêu, đã dám nổi lên, bắt vua Louis 16 và hoàng hậu lên đoạn đầu đài, lập một thể chế dân chủ.

Với kiến thức thu thập ở trường, tôi đọc thêm sách vở, tìm một mớ lý thuyết để hướng dẫn đường đi cho mình.

Trong cuốn Tư Bản Luận, Karl Marx giải thích con đường tiến của nhân loại từ Thời Kỳ Phong Kiến, đến Thời Kỳ Tư Bản, và trải qua Chế Độ Xã Hội và cuối cùng đến Thế Giới Đại Đồng, trong đó không còn cảnh người bóc lột người, trái với xã hội tư bản bóc lột thợ thuyền và xã hội phong kiến bóc lột nông dân.

Sách vở cũng cho biết thêm là với chế độ Cộng Sản, phương tiện sản xuất tập trung vào tay Nhà Nước, có cán bộ chuyên môn lãnh đạo, một xã hội trong đó con người sẽ "làm việc theo khả năng, hưởng theo nhu cầu", xã hội đều sống tập thể, con cái có chánh phủ lo, không còn gia đình nhỏ hẹp và ích kỷ..., thiên hạ thanh bình thịnh trị, không cần phải có tôn giáo để ru ngủ con người! Vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo là vậy. Đó là thiên đường tại hạ giới rồi, tại sao còn chần chờ?

Trong thời kỳ Đức chiếm Pháp, nhiều gương hào hùng chống quân đội chiếm đóng Đức được nói đến. Gương của Gabriel Péri, một nhà báo Pháp và là đảng viên

Cộng Sản Pháp ở Paris, là trường hợp đáng khâm phục. Ông hoạt động chống Đức vào thời Đức chiếm nước Pháp 1939, sau bị Đức bắt và đưa ra pháp trường xử bắn năm 1941. Trước khi lãnh tràng đạn kết liễu đời mình, ông hô to:

"Je vais préparer des lendemains qui chantent" (Tôi chuẩn bị cho ngày mai tươi sáng).

Nhìn lại dân tộc mình thời đó, tôi cũng muốn "chuẩn bị cho ngày mai tươi sáng" lắm chứ! Cho nên, chúng tôi thấy rằng phải làm một cái gì... , bây giờ có người đứng ra lãnh đạo, đang kêu gọi đoàn kết các đảng phái để chống Tây, lập một mặt trận, một chính phủ gồm có đủ thành phần đảng phái, nhân sĩ trong nước, đứng lên đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, đem cơm no áo ấm cho toàn dân, v. v., thì còn đợi gì?

Nhớ lại, ngày 2 tháng 9, 1945, tại vườn hoa Ba Đình, Hà Nội, ông Hồ Chí Minh đã chánh thức đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập cho Việt Nam, theo đó, một nền cộng hòa dân chủ ra đời, với đoạn mở đầu như sau:

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Tuyên Ngôn trên là dựa vào hai bản văn lịch sử nhân loại, là bản Tuyên Ngôn Độc Lập 1776 của Hoa Kỳ và bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền 1789 của Pháp.

Với tuổi trẻ, lòng hăng say, muốn đánh đổ bất công, đánh Tây giành độc lập cho nước nhà..., đây là cơ hội thuận lợi nhứt để áp dụng lý thuyết vào cuộc đời. Do đó, một số anh em cùng chung chí hướng không ngần ngại tham gia vào đoàn Thanh Niên Tiền Phong.

Tôi vẫn ở nhà ông bà nuôi của tôi. Sau khi mua được chiếc xe đạp cũ, tôi tìm được vài gia đình cần kèm trẻ

về Toán, Pháp văn, nhờ đó có chút tiền bỏ túi. Ông bà để ý sao thấy tôi đi vắng mặt nhà hoài, lâu lâu lại cho biết không về nhà ban đêm, bà có hơi lo lắng:

- Con còn bệnh chớ chưa hết đâu, đi đâu hoài mất sức lắm đó con!

Về việc chống Pháp, công việc lúc đó là in truyền đơn và đi rải, kêu gọi biểu tình chống Pháp, đình công, bãi thị, đòi tự do...

Công việc in truyền đơn thời đó còn thô sơ, đầu tiên là viết bằng mực đậm mẫu truyền đơn trên một tờ giấy trắng, công việc khác là nấu rau câu thành sương sa đổ lên một cái hộp thiếc hình chữ nhật lớn hơn tờ giấy. Chờ cho sương sa đặc lại, úp mặt tờ giấy viết lên, mực thấm vào sương sa, gỡ tờ giấy ra và lấy giấy trắng đắp lên mặt sương sa để in ra chữ. Ba, bốn chục tờ đầu còn tốt, đến mấy tờ sau, mực te tua không thấy rõ, lại phải làm cái khác y như lúc đầu.

Vì vậy, phải viết ba bốn tờ, rồi in ra, mất công và rất tốn thời giờ. Muốn in, phải trèo lên trần nhà (nhà anh bạn ở Xóm Gà), đề phòng rủi lính kín (Công An) vô xét nhà, mình có thời giờ phi tang. Khi in xong rồi là đến công việc đi rải, cùng với hai ba người, chia nhau canh chừng cảnh sát, vừa chạy xe đạp vừa tung truyền đơn ra, xong "vọt cho lẹ".

Việc in, rải truyền đơn thuộc về những chuyện dễ làm, ít nguy hiểm.

Nhớ lại lúc đó cũng vui, nhiều khi không có tiền trong túi, nhưng chúng tôi không bao giờ đói, vì đến nhà bạn bè làm việc, đều được cho ăn uống.

Ở với ông bà nuôi, lần lần từ vắng mặt một ngày, lên đến hai, ba ngày, tôi không về nhà. Tuy nhiên, trước khi đi, tôi sợ bà lo nên cũng có nói hờ là tôi vắng mặt mấy

ngày. Có khi, ông dặn tôi ngày chủ nhật tới, có mặt ở nhà, ông sẽ đi chợ nấu cho tôi món ăn tôi ưa thích. Chủ nhật đến, đồ ăn dọn lên, ông bà cứ ngó ra cửa đợi hoài không thấy tôi về, buồn không ít.

Lúc đó, kể như tôi thoát ly khỏi gia đình, ở nhà mấy người bạn cùng lo cho việc nước.

Nhà một người bạn học Pétrus Ký tôi thường ở lại nhà ngủ đêm và ăn vạ tại đó là nhà Sanh ở Đa Kao. Sở dĩ tôi ở nhà Sanh thường vì anh em Sanh ở đó không có cha mẹ, (cha mẹ ở dưới tỉnh), do đó được tự do, tự tiện ra vô ăn uống như nhà mình. Sanh và anh em Sanh cũng hằng hái về chuyện quốc gia, nhưng vì gánh nặng gia đình, phải lo cho ba bốn đứa em, Sanh không thể dấn thân tích cực như chúng tôi.

Anh bạn tôi cũng có tật ngộ nghĩnh, là trước khi đi ngủ, thay vì mặc đồ ngủ, anh lấy quần tây áo sơ mi sạch và ủi trong tủ ra mặc. Hỏi anh, anh trả lời:

- Tại sao tao phải mặc đồ dơ ngủ, đồ giặt ủi sạch sẽ là để tao mặc cho tao, chứ không phải cho thiên hạ ngắm.

Một câu nói hơi nghịch lý, thâm nhuần tư tưởng "bất cần đời".

Ném Mìn Bót Catinat

Thời đó, nhắc đến bót Catinat, ai cũng sợ. Đây là Văn Phòng Sureté (Công An) nổi tiếng tàn ác nhất, sau đó là Police Spéciale de l' Est (Cảnh Sát Đặc Biệt Miền Đông) ở Bà Chiểu, còn được gọi là Bót Hàng Keo.

Hôm đó, không nhớ ngày tháng (năm 1947), lối 9, 10 giờ sáng, tôi ở nhà Sanh, với người bạn tên Tú đến đó chơi, trong nhà có em gái Sanh là Cúc (14, 15 tuổi). Thành linh, ba anh lính kín (Công An) ập vô nhà, tìm kiếm một người tên Cảnh, không có mặt tại đó. Họ lục soát nhà, không có gì, xét và giữ giấy tờ của tôi và anh Tú:

- Hai thằng này ở lợi đây, không được đi đâu hết, một lát về bót!

Họ bỏ lại một người đề canh gác chúng tôi. Mục đích là xem còn có ai đến nữa, sẽ bắt luôn.

Trong lúc đó, tại cửa sau nhà, đứa em của Cúc thường ngày đi về ngõ sau, gõ cửa, Cúc chạy lại, không mở cửa, nhưng dặn nhỏ đứa em:

- Nhà bị lính kín vô, hãy chạy ra ngã trước, đứng canh chừng coi có bạn bè nào đến thì cản lại.

Nhờ đó, không có ai vô nhà nữa.

Chiều, chiếc xe cây, một loại xe có mui bít bùng, trở lại, họ còng tay tôi và anh Tú đẩy lên xe, cho ngồi dưới sàn, và chở về bót Catinat.

Tôi sợ quá, mình "có tịch nên nhúc nhích", không hiểu họ có tin tức gì về mình hay không, nhưng nghĩ là nếu không bắt được tài liệu gì, mình dễ khai hơn. (Lúc đó, tôi vẫn còn hoạt động cho Thanh Niên Tiền Phong). Nếu có tài liệu hay có ai khai đúng mình, chắc chắn là mình sẽ "mệt" nhiều. Anh Tú bình tĩnh hơn, vì anh không hoạt động gì cả, chỉ đi rong chơi và chờ trường mở cửa đi học trở lại. Hơn nữa, ba anh làm Đốc Phủ Sứ ở Phủ Thống Đốc Nam Kỳ: với gia đình ở địa vị đó, anh không lo lắng.

Đến nơi, vì đã mãn giờ làm việc, họ mở cửa song sắt, mở còng đẩy chúng tôi vào. Lần đầu tiên, ném mùi khảm!

Cảm giác đầu tiên là hết hồn, vì quá đông người, đứng, ngồi, nằm, xen kẽ, mùi hôi nồng nực, đa số người trong đó đều mặt ủ mày chau, có người mặt sưng vù, chảy máu, có người đau quá nằm rên nho nhỏ. Không hiểu số phận mình sẽ ra sao, tinh thần giao động, tôi lo tìm câu trả lời nếu ngày mai đến phiên họ hỏi cung mình. Tôi với anh Tú không nói với nhau nửa lời, mỗi người một tâm sự riêng.

Một lát sau, có tiếng nói lớn:

- Com! com!

Đó là giờ phát com. Xe nhà thầu chạy đến, hai người khiêng vô hai thùng thiếc, đổ xuống nền xi măng trong nhà giam, một đựng com gạo lức, màu vàng xẫm, thùng thứ hai đựng khô, một loại cá khô cho tù ăn, ẩm và mục. Lo lắng, hồi hộp, tôi không thấy đói, mặc dầu từ sớm đến giờ đó không có gì trong bụng.

Người lấy khăn, người lấy áo, làm mâm đựng com, lần lượt đứng ra xúc com và bỏ khô lên, trở lại góc của mình để ăn. Có tiếng cắn nhai:

- Gạo lức khô mục dài dài...

Tiếng khác la lên:

- Bộ mày ông nội nó sao mà biểu các-chú Chợ Lớn nấu cho mày ăn?

Lại người khác không vừa:

- Muốn ăn ngon hả, mai lên trần mà ăn (trần là phòng điều tra), nó cho mày ăn ngon lắm, ăn thoi, ăn đá, ăn đập, ăn roi điện nghe con!

Có tiếng khác chen vô:

- Tui nè, nó cho ăn đá (cú đá) rồi nó đè xuống cho uống mấy thùng thiếc nước, ối mặt xanh đỏ ông nội!

Không khí trở lại yên tĩnh hơn, không lời qua tiếng lại nữa, có lẽ khi nhắc đến cảnh "ăn đòn" ai cũng ngao ngán. Vì đồ ăn kham khổ như vậy, tù không ăn nhiều, hơn nữa, có một số ở lâu, được gia đình tiếp tế, đồ ăn còn dư lại nhiều.

Trong giờ com, đồ ăn rơi rớt bừa bãi trên nền xi măng. Sau khi tù ăn xong, hai thùng đựng thức ăn được bỏ ra ngoài, màn tới là chia nhau quét sạch, xịt nước, chùi khô, để dọn chỗ ngủ. Đây là trại giam tạm thời, chờ điều tra xong sẽ giao qua nhốt ở Khám Lớn Sài Gòn, hoặc thả ra, vì

vậy người nào ở lâu nhất trong đó ba tháng là cùng. Từ thuộc đủ hạng, nhưng nhiều nhất là tù chánh trị.

Cả trăm người chen chúc nhau trong một phạm vi quá nhỏ hẹp, bằng một phòng học sinh tiểu học. Ban ngày, còn chỗ đứng, tối nằm xuống, thật đúng là cá mèi hộp, người này sát người kia, nằm cứng đờ, không nhúc nhích. Tù cũ khôn hơn, dành những chỗ gần vách và xa nơi tiểu tiện, đám mới như tôi và anh bạn Tú không biết, thấy chỗ trống nhào vô, sau một đêm mới học được kinh nghiệm.

Ban đêm muốn đi tiêu, đi tiểu, phải đập nhau đi, lúc trở lại, không tìm ra chỗ mình nữa, vì khoảng cách khi mình bỏ đi đã bị khép lại, làm sao chen vô, và có chen vô, họ la lối om xòm:

- Ê, ê, bộ mày đui sao mà đập lên đầu tao?

Có tiếng:

- Xin lỗi, không thấy!

Có ông đi lạng quạng thế nào mất thăng bằng, vấp ngã đè lên, ba bốn người chồm dậy, một ông nổi nóng, tát cho ông kia một bạt tai:

- Tụi nó đánh tao mềm xương rồi, giờ mày đập cho nát luôn hả mày?

Ông kia lồm cồm ngồi dậy xin lỗi.

Chưa nói đến màn đi tiêu, đi tiểu, phần này "đơn giản" nhưng khá buồn cười. Đơn giản vì không có nhà cầu riêng biệt, đi thông thả, không xin phép ai, vì không ra khỏi nhà giam.

Trong nhà giam, có một góc dành làm nơi tiểu tiện, trống trơn, chạy dài theo chiều ngang của phòng giam, chỉ phân cách sàn xi măng tù ngục bằng một "con lươn", tức là một phần đắp cao hơn cũng bằng xi măng, để ngăn nước tiểu hay phân chảy qua chỗ tù ở. Nơi gọi là nhà cầu có vòi nước, có đường mương để chất dơ bẩn chảy vào ống cống.

Đầu hôm, ai cũng lo việc ngủ, nhưng lối 3 giờ sáng trở đi, nhà cầu bắt đầu rộn rịp "tiếp khách". Không hạn chế, bao nhiêu người cũng được, cứ ngồi xuống đó làm bốn phen, lần lần, hết chỗ... Đám bã "màu vàng" như thủy triều, chậm chậm tràn lên "chậm nhưng chắc" (slowly, but surely), vượt qua bức xi măng ngăn cách, và tràn qua nền nhà nơi tù đang ngủ.

Hết đất dụng võ rồi, người đau bụng kể tiếp đành tự tiện ngồi trên nền của người đang ngủ, tự do hành sự. Lốp cá mòi nằm gần, chẳng ai màng nhìn xem "của quý" của bạn tù khác phô bày ngay mũi mình, đen, trắng, lớn, nhỏ ra sao? Họ biết thân, chịu khó ngồi dậy, thức luôn, và cứ liên tục như vậy cho đến khi "địch quân" chiếm đất lần lần. Càng về sáng, "địch quân" càng kiên trì, chiếm hơn phân nửa đất của tù, một số tù nằm xa ráng cảm cự, rốt cuộc bị dồn ép quá, "phe ta" chỉ còn lãnh thổ để đứng mà thôi, chum cẩng người nào người nấy cũng dỉnh "không này thì nọ". Thân đã kể như chết rồi, lo gì những lẻ tẻ đó?

Sau đó là thu dọn chiến trường, tù nhân phải lo dọn dẹp, lấy nước xịt lên cho xác "địch quân" chảy xuống cống, lau chùi sạch sẽ để chuẩn bị cho một "ngày mới không có ngày mai". Trong lúc dọn dẹp, cũng có dùng nước khử mùi hôi thúi (nước crésyl), nhờ vậy cũng dễ chịu hơn.

Ban ngày, nhờ ít người "chiếu cố", nhà cầu còn được hạn chế trong phạm vi của nó. Không ai để ý mùi hôi thúi gì nữa, mũi đã quá quen, không còn tiếng thở than!

Ngày hôm sau, tôi bị kêu lên, hồi hộp, lo lắng. Đầu tiên là chụp hình, lần tay, kê khai lý lịch, sau dẫn qua phòng điều tra. Nội thấy dàn cảnh cũng run rồi: một người ngồi trên ghế để hỏi cung, một người đứng chờ lệnh, với mớ đồ nghề tra tấn. Sau khi xem qua và tra gạn lý lịch, hỏi về công ăn việc làm, có tiếng "bốp, bốp" của bàn tay tát vô mặt tôi:

- Mày lợi nhà đó làm gì? Thăng Cảnh quen với mày ra sao? Gặp nó mấy lần?

Tôi giựt mình, chưa biết phải suy tính ra sao, lại bị dọa tiếp:

- Mày không khai, tao có cách cho mày nói!

Tôi lo sợ quá, không biết mình chịu đựng đòn đến đâu. Tôi nhớ lại là anh Cảnh có đến chơi mấy lần ở nhà Sanh, anh ăn mặc chải chuốt và tánh tình nghiêm nghị, tôi không quen nhiều nên ít khi nói chuyện. Hơn nữa, nếu anh có làm chánh trị, bị bắt, tốt hơn là tôi chối phăng, không biết. Nhưng cũng sợ rủi nó dẫn anh ấy ra đối chất với tôi, lòi ra mình nói láo, chúng nó sẽ đánh mạnh hơn. Tôi vừa chà chà lên chỗ đau trên mặt và cương quyết khai:

- Dạ tôi không biết anh đó.

- -Đ. m., sớm mai tới giờ, tao chưa đánh ai nha mày, tao cho mày nói không biết!

Mấy thoi liên tiếp nã vô đầu, mấy cú đá túi bụi vô mình, tôi đau quá, nhắm mắt:

- Sự thật, tôi không biết, không lẽ tôi không biết mà nói biết.

- Thăng nào lên đây cũng nói không biết hết, tao động một hơi là khai ra hết, nghe chưa?

- Xin mấy ông xét lại giùm cho tôi nhờ!

Thấy nạt tôi không đủ bằng cớ, họ hăm dọa:

- Tao cho mày suy nghĩ vài bữa, rồi lên đây khai, tao mới thả, không thì tao nhốt tới chừng nào khai thôi.

Tôi được dẫn trở lại phòng giam.

Như vậy là tôi thắng được keo đầu, nhưng trong cảnh chim lồng cá chậu, mình đâu biết sự việc diễn tiến ra sao, có ai biết tôi và khai tôi, hoặc có tài liệu gì về tôi, tôi đâu biết được. Hồi hộp, lo lắng.

Phản Tú, anh bị gọi lên, nhưng không bị đánh đập, có lẽ vì lý lịch có cha làm lớn trong chánh phủ Pháp. Khi

Tú trở về phòng giam, anh tỉnh táo hơn trước, nhưng chỉ ăn vài miếng cơm rồi bỏ xuống; tôi nghĩ rằng anh sống trong gia đình có tiền của, không quen ăn cực, nên không ăn là có lý do dễ hiểu.

Phần tôi, tôi phải ăn, ráng ăn, ăn để sống. Cơm gạo lúc, mùi chua chua, có vị mốc, nhưng nhai một lúc nghe béo béo, còn khô mục tuy mùi thum thum, nhưng nhờ có chất mặn mặn, nó giúp đẩy cơm vào bao tử. Rồi tôi nhớ lại khi xưa, hồi còn nhỏ, tôi đã thử qua mấy món ăn này rồi, ở nhà trong vùng quê Trung Chánh, cũng cơm gạo đỏ với khô, nhưng phẩm chất cao hơn, trong một khung cảnh đầy tình thương yêu của người mẹ và anh chị em. Lúc đó, có bao giờ nghĩ rằng khi lớn lên, tôi có ngày ăn gạo mốc, khô mục?

Nhìn lại nhà giam, bây giờ, tại đây, là hận thù, là độc ác, là tranh giành từng tấc nền xi măng để ngủ, không ai che chở cho ai.

Hơn tuần sau, Tú được thả, tôi càng hoang mang hơn. Phòng điều tra kêu tôi lên lần nữa, nhưng lần này chỉ hù dọa rồi cho xuống, bảo chờ điều tra thêm.

Cuộc sống tại nhà giam vẫn tiếp tục sôi động, mỗi ngày có thêm "khách mới", mình mẩy máu me, một ít người ướt nhoi từ tóc tới chun như gà mắc mưa vì bị trấn nước, trong khi một số khách cũ ra đi. Cũng vẫn cảnh nói móc nói méo chửi công an cho vui, cảnh chửi bới hằng ngày vì giành chỗ ngủ, hoặc gây gỗ vì đập lẫn nhau.

Tuần sau nữa, tôi đang ngồi, nghe có tiếng kêu tên mình. Ở đây, có nhiều cách kêu tên, theo cách đó mình đoán chuyện lành hay dữ.

Nếu gọi là "thằng" thì hồi hộp lắm. Trong hoàn cảnh này, đâu có ai trông đợi được gọi là "Monsieur", hay "Mister" hay "Ông", tự điển tại đây vắng bóng chữ đó và được thay bằng "thằng", không kỳ thị tuổi tác, già trẻ, chức

tước, một xã hội triệt để công bằng, ai cũng "thẳng" hết, đó là Công An kêu lên phòng điều tra.

Còn bữa đó, có tiếng người kêu tôi bằng tên họ đầy đủ, không có tiếng "thẳng", tôi mừng quá, tưởng lần này được thả. Thì ra, anh bạn tù trao cho tôi món quà gia đình thăm nuôi. Tù giam đây không được gặp mặt người nhà, vì còn trong vòng điều tra, chỉ có quyền nhận quà ăn, không có quần áo.

Tôi ôm gói đồ ngồi xuống nền nhà, lòng bùi ngùi xúc động, roi nước mắt lúc nào không hay. Tôi nghĩ thầm:

- Như vậy là ở nhà đã "chạy chọt" cho tôi rồi, và chắc đau buồn, lo lắng không ít. Đâu có ai bỏ rơi mình đâu, tình thương, tình thương đây rồi, tôi không còn cô độc, gia đình vẫn là nguồn an ủi trong những giờ nghiệt ngã nhứt của cuộc đời!

Đồ ăn gồm có: một ổ bánh mì, khúc chả lụa, một gói thịt quay, hai cái bánh ú, hai bánh ít ... và cảm động hơn hết, là chai dầu Nhị Thiên Đường.

Bánh mì, chả lụa, thịt quay, đúng là của anh chị Ba tôi; bánh ú, bánh ít, không thể nói khác hơn là của ông bà nuôi tôi, vì bà biết tôi ưa bánh tét, bánh ít, lại thêm chai dầu măng nứa. Từ khi lớn lên tới giờ, tôi không làm được việc gì để giúp đỡ gia đình, trái lại đã làm khổ bao nhiêu người?

Đêm đó, tôi buồn quá, không ngủ được; tôi sức nhớ bài thơ tôi thuộc một vài đoạn từ trước, không biết tác giả là ai, có lẽ Xuân Diệu. Bài này tả cảnh hai người bạn tù, hai người, hai tâm sự, một người bị quan cho cuộc thế, một người thấy đời tươi thắm. Bài thơ như sau:

*Tôi với anh giữa bốn tường vô lạnh,
Lặng nhìn nhau lựa phải nói năng chi,
Anh nghe chim rít gọi đời đi,
Tôi thấy cả một mùa Xuân bước lại.
Đôi chim trẻ trên cành non hái trái,*

*Trong vườn sim giữa lúc rụng bóng chiều,
Tôi với anh xa cách biết bao nhiêu,
Giữa đôi ta biết bao là biển rộng..."*

Tôi chỉ còn nhớ tới đây thôi, và sau khi đọc rồi, tôi tự hỏi mình là người nào trong bài thơ, người bị quan "nghe chim rít gọi đời đi", hay người lạc quan "thấy cả một mùa Xuân bước lại"? Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần, gần sáng không hay, đến khi thấy nhà cầu lẳng xăng người "thăm viếng" mới biết đã đến giờ trở về với thực tế, ngồi dậy cho người ta lau dọn "chiến trường".

Tôi được thả, sau gần 4 tuần lễ không tắm rửa, áo sơ mi mục nát phía sau, lòi cả lưng ra. Khi về nhà, tôi nghe em tôi kể lại câu chuyện cảm động về bà nuôi của tôi.

Lúc tôi bị giam ở bót Catinat, bà nuôi tôi, một bà già quê mùa, đã chịu khó lặn lội tìm đến bót Catinat. Nhân viên gác cửa không cho bà vào. Bà quỳ xuống đường, khóc mếu máo lạy mấy ông lính gác:

- Tui lạy mấy ông, xin mấy ông làm ơn làm phúc cho tui "dô" thăm thẳng con nuôi của tui, cho tui thấy mặt nó một chút!

Họ không cho bà vô, bà đứng năn nỉ cho đến khi bị nạt đuổi đi, bà buồn bã lê bước trở về nhà.

